

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA LUẬT

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ		
Mã học phần:	71LAWS40572	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	232_71LAWS40572_01, 232_71LAWS40572_02, 232_71LAWS40572_03, 232_71LAWS40572_04		
Hình thức thi: Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu: Chỉ được sử dụng tài liệu giấy in</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TUL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Đề xuất những giải pháp phù hợp nhằm giải quyết các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực pháp luật thương mại.	Tự luận	100%	1-8	10	PI 3.2, A
CLO2	Áp dụng hiệu quả kỹ năng tư duy phân biện, logic, sáng tạo để giải quyết các tình huống kinh doanh thương mại trong thực tế.	Tự luận	60%	1-4	6	PI 5.2
CLO3	Lựa chọn đúng các văn bản pháp luật và quy phạm pháp luật trong lĩnh vực pháp luật thương mại để áp dụng trong các tình huống pháp lý kinh doanh thương mại.	Tự luận	40%	5-8	4	PI 6.2

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa

được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

Phần 1 (Câu hỏi 1 – Câu hỏi 4): Nhận định sau là đúng hay sai? Giải thích tại sao và nêu cơ sở pháp lý.

Câu hỏi 1: (1.5 điểm) Chế tài đình chỉ thực hiện hợp đồng chỉ áp dụng đối với hành vi vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng.

Câu hỏi 2: (1.5 điểm) Trong trường hợp bên mua không thực hiện việc kiểm tra hàng hóa trước khi giao theo thỏa thuận thì bên bán có quyền không giao hàng.

Câu hỏi 3: (1.5 điểm) Không thể áp dụng đồng thời chế tài phạt vi phạm và chế tài bồi thường thiệt hại đối với cùng một hành vi vi phạm hợp đồng.

Câu hỏi 4: (1.5 điểm) Bên đại lý không có quyền quyết định giá bán đối với hàng hóa mà mình làm đại lý.

Phần 2 (Câu hỏi 5 – Câu hỏi 8): Bài tập.

Ngày 01/01/2024, Công ty TNHH A (Việt Nam) ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty cổ phần B (Việt Nam), theo đó, A bán 1.000 tấn ngô hạt cho B, thời gian giao hàng là từ ngày 01/02/2024 – 10/02/2024, giao tại trụ sở kinh doanh của B. Đồng thời, các bên có thỏa thuận về phạt vi phạm trong trường hợp một bên không đúng thỏa thuận.

Ngày 15/01/2024, A có sẵn nguồn hàng nên tiến hành giao đủ hàng cho B nhưng B không đồng ý nhận hàng do chưa có nhu cầu.

Ngày 17/01/2024, kho hàng của A bị cháy làm cho phần lớn số hàng trên bị hư hỏng.

Sau đó, nguồn cung bị thiếu do cháy kho nên đến hết ngày 10/02/2024, A chỉ giao được cho B 500 tấn ngô hạt.

Ngày 15/02/2024, A gửi văn bản đề nghị gia hạn giao hàng đến hết 20/02/2024 và B phản hồi đồng ý.

Tuy nhiên, ngày 18/02/2024, B gửi công văn yêu cầu A trả tiền phạt vi phạm do giao hàng không đúng thời hạn thỏa thuận.

Hỏi: (Giải thích và nêu rõ cơ sở pháp lý)

Câu hỏi 5: (1 điểm) Luật Thương mại có điều chỉnh đối với hợp đồng giữa A và B không? Vì sao?

Câu hỏi 6: (1 điểm) Hành vi không nhận nhận hàng vào ngày 15/01/2024 của B có vi phạm hợp đồng không? Vì sao?

Câu hỏi 7: (1 điểm) Bên nào chịu rủi ro đối với số hàng bị cháy vào ngày 17/01/2024?

Câu hỏi 8: (1 điểm) A có phải tiền phạt vi phạm cho B theo yêu cầu của công văn ngày 18/02/2024 không? Vì sao?

ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Tự luận			
Câu 1	Chế tài đình chỉ thực hiện hợp đồng chỉ áp dụng đối với hành vi vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng.	1.5	
Nội dung a.	Nhận định: SAI CSPL: Khoản 1 Điều 310 LTM 2005	0.5	
Nội dung b.	Ngoài điều kiện áp dụng là có vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng, chế tài này còn được áp dụng trong trường hợp xảy ra hành vi vi phạm mà các bên đã thỏa thuận là điều kiện để đình chỉ hợp đồng (Vi phạm không cơ bản).	1.0	
Câu 2	Trong trường hợp bên mua không thực hiện việc kiểm tra hàng hóa trước khi giao theo thỏa thuận thì bên bán có quyền không giao hàng.	1.5	
Nội dung a.	Nhận định: SAI CSPL: Khoản 3 Điều 44 LTM 2005	0.5	
Nội dung b.	Nếu bên mua không thực hiện việc kiểm tra hàng hóa trước khi giao theo thỏa thuận thì bên bán có quyền giao hàng theo hợp đồng, nghĩa là phải giao hàng theo thỏa thuận.	1.0	

Câu 3	Không thể áp dụng đồng thời chế tài phạt vi phạm và chế tài bồi thường thiệt hại đối với cùng một hành vi vi phạm hợp đồng.	1.5	
Nội dung a.	Nhận định: SAI CSPL: Khoản 2 Điều 307 LTM 2005	0.5	
Nội dung b.	Có thể áp dụng đồng thời chế tài phạt vi phạm và chế tài bồi thường thiệt hại đối với cùng một hành vi vi phạm hợp đồng nếu thỏa mãn các điều kiện áp dụng của từng loại chế tài này.	1.0	
Câu 4	Bên đại lý không có quyền quyết định giá bán đối với hàng hóa mà mình làm đại lý.	1.5	
Nội dung a.	Nhận định: SAI CSPL: Khoản 4 Điều 174 LTM 2005	0.5	
Nội dung b.	Bên đại lý có quyền quyết định giá bán của hàng hóa mà mình làm đại lý đối với đại lý bao tiêu, nếu các bên không có thỏa thuận khác.	1.0	
Câu 5	Luật Thương mại có điều chỉnh đối với hợp đồng giữa A và B không? Vì sao?	1.0	
Nội dung a.	Theo Khoản 1 Điều 6 LTM, Công ty A và Công ty B đều là tổ chức kinh tế, tức cả 2 chủ thể đều là thương nhân	0.5	
Nội dung b.	Theo Khoản 1 Điều 1, Khoản 1 Điều 2 và Khoản 1, 2 Điều 3 LTM, hợp đồng giữa công ty A và công ty B là hợp đồng mua bán hàng hóa. Cụ thể, quan hệ mua bán ngô hạt trên là hoạt động thương mại do hai thương nhân Việt Nam thực hiện vì mục đích sinh lợi, được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam và ngô hạt là hàng hóa (động sản). Vì vậy, quan hệ trên đương nhiên thuộc phạm vi điều chỉnh của LTM.	0.5	
Câu 6	Hành vi không nhận hàng vào ngày 15/01/2024 của B có vi phạm hợp đồng không? Vì sao?	1.0	
Nội dung a.	Theo Điều 38 LTM, trong trường hợp này A đã giao hàng trước thời hạn (giao	0.5	

	15/01/2024) trong khi các bên thỏa thuận giao từ 01/02/2024 - 10/02/2024.		
Nội dung b.	Do đó, B được quyền nhận hoặc không nhận. Vậy hành vi không nhận hàng của B là không vi phạm hợp đồng.	0.5	
Câu 7	Bên nào chịu rủi ro đối với số hàng bị cháy vào ngày 17/01/2024?	1.0	
Nội dung a.	Theo Điều 57 LTM 2005, thời điểm cháy kho hàng là thời điểm xảy ra rủi ro và bên mua (B) chỉ chịu rủi ro kể từ thời điểm nhận hàng tại địa điểm đã thỏa thuận	0.5	
Nội dung b.	Vì B chưa nhận hàng tại địa điểm thỏa thuận (trụ sở kinh doanh của B) nên bên A phải chịu rủi ro.	0.5	
Câu 8	A có phải tiền phạt vi phạm cho B theo yêu cầu của công văn ngày 18/02/2024 không? Vì sao?	1.0	
Nội dung a.	B đã phản hồi đồng ý đối với đề nghị gia hạn giao hàng đến hết 20/02/2024 của A nghĩa là thời hạn giao hàng theo thỏa thuận mới là đến hết 20/02/2024.	0.5	
Nội dung b.	Vì A vẫn còn trong thời hạn giao hàng cho B nên A không vi phạm hợp đồng. Do đó, A không phải tiền phạt vi phạm cho B.	0.5	
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề

Trần Minh Toàn (Phó trưởng BM đã duyệt)

Trần Thiên Trang